

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày 24 tháng 6 năm 2026
“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng;
yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hòa, bà Nguyễn Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng; yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2026/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H1 (Tên viết tắt là “MSB”). Địa chỉ trụ sở chính: E N, phường L, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L – Chức vụ: Tổng Giám đốc M. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức Q – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng M.

Người được ủy quyền lại: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1986. Chức vụ: Cán bộ phòng Tổ tụng – NH QLTD – M; Địa chỉ: Tầng B, Tòa nhà R, số E N, phường L, thành phố Hà Nội (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1982 (đã chết)

Bà Triệu Kim C, sinh năm 1988, có mặt.

Đều cư trú: TDP 3 Đoàn, xã Y, tỉnh Phú Thọ

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Anh T:

+ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1960 (bố đẻ của ông T)

+ Bà Đại Thị K, sinh năm 1960 (mẹ đẻ của ông T)

+ Bà Triệu Kim C, sinh năm 1988 (vợ của ông T)

+ Cháu Nguyễn Tất Đ1, sinh năm 2009 (con của ông T)

+ Cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 2013 (con của ông T)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đ, bà K: bà Triệu Kim C

Người đại diện của cháu Đ1, cháu N: bà Triệu Kim C

Đều cư trú tại: TDP C Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Triệu Quang C1, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2025, những lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Phạm Thị H trình bày:

Ngày 06/09/2024, vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Triệu Kim C đã ký văn bản đồng thuận về việc vay vốn cùng trả nợ cho Ngân hàng, có xác nhận của Ngân hàng TMCP H1. Theo đó, ông T sẽ thay mặt cho hai vợ chồng ký kết các giao dịch tín dụng tại M để vay vốn.

Ngày 06/09/2024, ông Nguyễn Ô T1 với M – Chi nhánh V – Phòng G giao kết Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số: 111-00045275.50855/2024/HĐCV, hai bên thống nhất việc Ngân hàng cho ông Nguyễn Ô T1 vay tiền, có nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền vay: 1.680.000.000 đồng; Thời hạn vay: 300 tháng, ân hạn gốc 12 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Cho vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình. Lãi suất cho vay: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên cho đến ngày 08/09/2025 là 10,5%/năm (cơ sở tính 1 năm tính 365 ngày). Lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần vào ngày 06 hàng kỳ và được tính bằng: Lãi suất tham chiếu của M cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất trảm trả là 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn.

Trả nợ gốc, lãi: Nợ gốc trả đều hàng tháng, lãi trả hàng tháng tính trên dư nợ thực tế giảm dần. Số kỳ trả gốc: 300 kỳ. Ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 06/10/2025. Các kỳ tiếp theo nợ gốc được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 5.833.333 đồng, kỳ cuối trả tất toán. Số kỳ trả lãi: 300 kỳ. Ngày trả nợ lãi lần đầu tiên vào ngày 06/10/2024. Các kỳ tiếp theo nợ lãi được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ thanh toán của một trong các kỳ, thì sẽ bị MSB xác định nợ quá hạn, có quyền yêu cầu trả toàn bộ khoản vay trước hạn.

Sau khi ký Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông T1 vay đủ số tiền theo Hợp đồng đã ký thông qua phương thức giải ngân 01 lần bằng chuyển khoản với số tiền là 1.680.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Triệu Quang C1 là em trai bà Triệu Kim C đã ký Hợp đồng thế chấp số: 197630.22119/2023/BĐ, số công chứng: 07, quyền số: 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD để thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Số vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông Triệu Quang C1, đối với : Thửa đất số: 1251; Tờ bản đồ số: 60; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ; Diện

tích: 200 m² (Đất ở: 147,6 m²; Đất trồng cây lâu năm: 52,4 m²); Tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nêu trên, vợ chồng ông T1 đã trả được một phần tiền gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi. Tuy nhiên sau này ông T1 không thực hiện đúng cam kết trả nợ dẫn đến khoản vay bị quá hạn từ tháng 02 năm 2025; hiện bị áp lãi suất quá hạn là 21%/01 năm/dư nợ gốc.

Tính đến ngày 24/6/2026, ông vợ chồng ông T1, bà C còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là: 1.763.504.054 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 246.257.654 đồng; Nợ lãi quá hạn, nợ lãi trậm trả: 17.246.400 đồng.

Tháng 11 năm 2025 ông Nguyễn Anh T chết, quyền và nghĩa vụ của khoản vay tín dụng chuyển cho bà Triệu Kim C theo quy định nghĩa vụ liên đới của vợ chồng và cam kết của vợ chồng bà C khi giao kết hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Triệu Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán cho MSB toàn bộ số nợ gốc, lãi vay theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ đã ký, tính đến ngày 24/6/2026, là: 1.763.504.054 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 246.257.654 đồng; Nợ lãi quá hạn, nợ lãi trậm trả: 17.246.400 đồng.

- Từ ngày 25/6/2026, bà Triệu Kim C tiếp tục phải trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là: 21%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán.

- Trường hợp bà Triệu Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì MSB được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 1251, tờ bản đồ 60, diện tích: 200 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (địa chỉ đất: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cũ cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông Triệu Quang C1.

- Về chi phí tố tụng: M **tự nguyện chịu** toàn bộ không yêu cầu giải quyết trong vụ án.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

****Bị đơn, đồng thời là người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Anh T; là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Đ, bà Đại Thị K; là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Tất Đ1 và cháu Nguyễn Thị Bảo N - bà Triệu Kim C trình bày:***

Bà xác nhận việc đại diện của M trình bày về việc ông T và bà C đã ký kết Hợp đồng Hợp đồng cho vay kèm giấy nhận nợ số: 111-00045275.50855/2024/HĐCV và ông C1 ký Hợp đồng thế chấp là đúng. Việc vợ chồng bà ký Hợp đồng cho vay tại Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi ký Hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân cho chồng bà vay số tiền gốc là 1.680.000.000 đồng; số tiền này được vợ chồng sử dụng để sửa chữa ngôi nhà 04 tầng (hiện bà đang sinh sống), mua sắm trang thiết bị, đồ dùng trong ngôi nhà.

Tuy nhiên sau đó chồng bà là ông T bị đau ốm (từ năm 2024), nên công việc làm ăn bị đình trệ; ông T làm ăn trong lĩnh vực S tường nhà và các công trình xây dựng; từ khi bị đau ốm thì công việc không làm được nữa; do vậy vợ chồng bà mới thanh toán được cho MSB 160.000.000 đồng tiền gốc; đến đầu tháng 02/2025 thì không thể thanh toán được nữa; đến ngày 09/11/2025 thì ông T chết.

Hiện nay bà C và ông T còn nợ MSB số tiền gốc và lãi là: 1.763.504.054 đồng như đại diện M trình bày tại phiên Tòa là đúng. Do ông T đã chết, MSB yêu cầu bà phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, bà cũng nhất trí. Tuy nhiên, do hoàn cảnh quá khó khăn, bà đề nghị được gia hạn trả nợ trong thời hạn một năm; đến ngày 24/6/2027 bà sẽ thực hiện trả nợ toàn bộ.

Đối với nội dung: nếu bà không thanh toán được khoản nợ, thì MSB có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, bà nhất trí và không có ý kiến gì.

Về án phí: Hiện nay ông T đã chết, để lại khoản nợ và một mình bà phải trả; hiện thu nhập của bà không cao, phải nuôi 02 con nhỏ ăn học; hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn. Bà C đề nghị miễn, giảm án phí sơ thẩm cho bà C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triệu Quang C1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông đã ký Hợp đồng thế chấp số: 197630.22119/2023/BĐ ngày 02/01/2024, số công chứng: 07, quyền số: 01/2024/TP/CC-SCC/HĐGD để thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Số vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông, đối với: Thửa đất số: 1251; Tờ bản đồ số: 60; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ và toàn bộ tài sản trên đất để đảm bảo khoản vay của ông Nguyễn Anh T, bà Triệu Kim C.

Đây là tài sản riêng của ông, vợ chồng ông đã có văn bản cam kết tài sản riêng. Các chữ ký chữ viết tại Hợp đồng thế chấp, các thông báo của Ngân hàng đều là chữ ký, chữ viết của ông. Khi ký Hợp đồng thế chấp ông hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi ký Hợp đồng thế chấp Ngân hàng giải ngân cho ông T vay số tiền cụ thể bao nhiêu ông không rõ, ông T sử dụng khoản vay như thế nào ông cũng không biết.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu gia đình chị C trả nợ, ông đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho gia đình trả nợ dần để gia đình giữ được đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, còn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX

Căn cứ vào: Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 24, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 74, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

- Buộc bà Triệu Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán, trả cho M số tiền là 1.763.504.054 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 246.257.654 đồng; nợ lãi quá hạn, nợ lãi trảm trả: 17.246.400 đồng).

- Từ ngày 25/6/2026, bà Triệu Kim C tiếp tục phải trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là: 21%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán.

- Trường hợp bà Triệu Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì MSB được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 1251, tờ bản đồ 60, diện tích: 200 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (địa chỉ đất: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cũ cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông Triệu Quang C1.

- Về chi phí tố tụng: **Không đề nghị HĐXX giải quyết.**

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: MSB khởi kiện ông T, bà C yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng; bị đơn có nơi cư trú tại xã Y, tỉnh Phú Thọ. Nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của T2 án nhân dân khu vực 10 – Phú Thọ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bị đơn là ông T đã chết (có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng tham gia giải quyết vụ án, những người này đã ủy quyền cho bà C tham gia tố tụng); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Triệu Quang C1 vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không có lý do (đã được tổng đạt hợp lệ QĐXX, Quyết định hoãn phiên tòa). Nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về hợp đồng tín dụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đương sự đều xác nhận có việc vay nợ diễn ra giữa nguyên đơn MSB và đồng bị đơn là ông T, bà C. Theo đó, các bên đã đồng thuận giao kết các hợp đồng tín dụng. Cụ thể hóa giao kết, các bên đã ký các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

Ngày 06/9/2024, ông Nguyễn Anh T ký Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 111-00045275.50855/2024/HĐCV với M – Chi nhánh V – Phòng G để vay số tiền 1.680.000.000 đồng, thời hạn vay 300 tháng, mục đích vay mua sắm trang thiết bị, nội thất gia đình. Bà Triệu Kim C đã ký văn bản đồng thuận vay vốn và cùng trả nợ với Ngân hàng. Quá trình ký kết hợp đồng, các đương sự đều xác định hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân đầy đủ số tiền 1.680.000.000 đồng vay cho vợ chồng ông T, bà C theo thỏa thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà C đã thanh toán được một phần nợ gốc và một phần tiền lãi. Tuy nhiên, sau đó vợ chồng bà C vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết, dẫn đến khoản vay bị chuyển nợ quá hạn từ tháng 02 năm 2026.

2.2 Tại phiên Tòa, các bên đương sự thỏa thuận được với nhau:

- Khoản vay nêu trên là do vợ chồng ông T, bà C vay để sử dụng chung; sửa chữa ngôi nhà 04 tầng mà vợ chồng sử dụng làm nơi sinh sống (xây trên đất của bố mẹ ông T).

Tháng 11 năm 2025 ông T đã chết; do vậy, toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi của khoản vay tín dụng do bà C thực hiện.

Xét việc thỏa thuận giữa M và bà C là tự nguyện, phù hợp với các cam kết của hợp đồng tín dụng, phù hợp với quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, được HĐXX chấp nhận.

- Các bên cũng thỏa thuận được về việc, tính đến hết ngày 24/6/2026 bà C còn nợ và phải trả MSB số tiền ngày 24/6/2026, là: 1.763.504.054 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 246.257.654 đồng; nợ lãi quá hạn, nợ lãi trậm trả: 17.246.400 đồng). Từ ngày 25/6/2026, bà Triệu Kim C tiếp

tục phải trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là: 21%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán.

Xét việc thỏa thuận giữa M và bà C là tự nguyện, phù hợp với các cam kết của hợp đồng tín dụng, phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng 2010, được HĐXX chấp nhận.

Tuy nhiên, các bên không thỏa thuận được thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ; theo đó MSB yêu cầu phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, chậm nhất 03 tháng; nhưng bà C chỉ chấp nhận trả với thời hạn 01 năm.

HĐXX thấy rằng: Việc vợ chồng ông T, bà C vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng tới hoạt động thu hồi vốn, sản xuất kinh doanh của ngân hàng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M, buộc bà C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho M; cũng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M về việc từ ngày 25/6/2026 buộc bà C phải trả lãi quá hạn cho MSB, lãi suất áp dụng là: 21%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán.

2.3. Đối với tài sản bảo đảm:

Để bảo đảm cho khoản vay, ông Triệu Quang C1 đã ký Hợp đồng thế chấp số 197630.22119/2023/BĐ ngày 02/01/2024, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1251, tờ bản đồ số 60, diện tích 200m², địa chỉ tại thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cũ cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông Triệu Quang C1.

Ông C1 xác nhận việc ký kết hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, tài sản thế chấp là tài sản riêng của ông và hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật nên có hiệu lực thi hành.

Do vậy, trường hợp bà Triệu Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, MSB đã nộp chi phí xem xét thẩm định tài sản, chi phí đo đạc tài sản thế chấp. MSB tự nguyện chịu nộp, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí: MSB được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bà Triệu Kim C phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền 1.763.504.054 đồng cho M, nên về nguyên tắc bà C phải chịu 64.905.000 đồng án phí sơ thẩm.

Tuy nhiên, khoản vay xuất phát là của chung vợ chồng ông Nguyễn Anh T, bà Triệu Kim C; hiện ông T đã chết, bà C phải trả khoản nợ một mình; hiện phải nuôi hai con nhỏ ăn học; lâm vào cảnh khó khăn đặc biệt về kinh tế do sự kiện

bất khả kháng, không có khả năng nộp án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương; bà C đã có đơn xin miễn, giảm án phí dân sự sơ thẩm.

Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, HĐXX chấp nhận một phần đề nghị của bà C, giảm 50% án phí cho bà Triệu Kim C.

Số tiền còn lại là 32.452.000 đồng, bà C phải nộp theo quy định.

5. Quan điểm của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 321, Điều 322, Điều 323, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 24, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng 2010. Điều 74, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của M về việc buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng và yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

1.1. Buộc bà Triệu Kim C phải có nghĩa vụ thanh toán, trả cho M số tiền là 1.763.504.054 đồng (trong đó: nợ gốc: 1.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 246.257.654 đồng; nợ lãi quá hạn, nợ lãi trậm trả: 17.246.400 đồng).

- Từ ngày 25/6/2026, bà Triệu Kim C tiếp tục phải trả tiền lãi cho M, lãi suất áp dụng là: 21%/01 năm/dư nợ gốc; 10%/01 năm/dư nợ lãi trong hạn chưa thanh toán.

1.2. Trường hợp bà Triệu Kim C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì MSB được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, tài sản bảo đảm là: Thửa đất số 1251, tờ bản đồ 60, diện tích: 200 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (địa chỉ đất: Thôn Đ, xã Y, tỉnh Phú Thọ) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 434740, Sổ vào sổ cấp GCN: CS 03054 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cũ cấp ngày 18/02/2020 đứng tên ông Triệu Quang C1.

2. Về án phí: Giảm 50% án phí sơ thẩm cho bà Triệu Kim C.

Buộc bà Triệu Kim C phải chịu nộp số tiền 32.452.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho MSB số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004415 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thành Công